

Năng lực chủ thể của phụ nữ Việt Nam trong phát triển kinh tế: Tiếp cận từ tư tưởng của Amartya Sen

Nguyễn Trung Thành¹

Ngày nhận bài: 04/5/2026 | Ngày gửi phản biện: 08/5/2026 | Ngày duyệt đăng: 20/5/2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích năng lực chủ thể của phụ nữ Việt Nam trong phát triển kinh tế thông qua tiếp cận năng lực của Amartya Sen. Trên cơ sở đối chiếu lý luận với các dữ liệu thực chứng mới nhất giai đoạn 2024-2025, bài viết lập luận rằng, phụ nữ không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà là chủ thể hành động tích cực, đóng vai trò then chốt trong lực lượng lao động và quản lý nguồn lực tài. Nghiên cứu chỉ ra rằng, việc mở rộng năng lực, không gian hành động và quyền tự do thực chất là điều kiện tiên quyết để xóa bỏ các rào cản về khoảng cách thu nhập và định kiến giới. Từ đó, bài viết đề xuất các hàm ý chính sách nhằm phát huy tối đa tiềm năng của phụ nữ trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại Việt Nam.

Từ khóa: Phụ nữ Việt Nam, năng lực chủ thể, phát triển kinh tế, Amartya Sen.

Vietnamese Women's Agency in Economic Development: An Amartya Sen Perspective

Abstract: This article analyzes the agency of Vietnamese women in economic development through Amartya Sen's Capability Approach. Based on a comparison between theoretical frameworks and the latest empirical data from the 2024–2025 period, this article argues that women are not merely passive policy recipients but active agents playing a pivotal role in the labor force and financial resource management. Furthermore, this article indicates that expanding capabilities, agency space, and substantive freedom is a prerequisite for eliminating barriers such as the gender pay gap and gender prejudice. Consequently, this article proposes policy implications to maximize women's potential in Vietnam's sustainable socio-economic development process.

Keywords: Vietnamese women, agency, economic development, Amartya Sen.

1. Đặt vấn đề

Từ cuối thập niên 1980 của thế kỷ XX, các nước trên thế giới đã bắt đầu quan tâm đến việc chuyển đổi phát triển theo hướng bền vững. Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” được công bố năm 1987 bởi Ủy ban Môi trường và phát triển thế giới (WCED) đã khẳng định rằng: “Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” (Nguyễn Thị Ngọc Tú, 2025). Trong bối cảnh phát triển bền vững, vấn đề bình đẳng giới và năng lực chủ thể của phụ nữ đã và đang trở thành một trong những trụ cột quan trọng để bảo đảm tính toàn diện và công bằng của tiến trình phát triển.

Trong quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước, Việt Nam đã đạt được rất nhiều thành tựu to lớn trong lĩnh vực kinh tế để từ đó nâng cao vị thế của phụ nữ trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, còn nhiều rào cản về bình đẳng giới và năng lực chủ thể của phụ nữ như định kiến giới, phân công lao động bất bình đẳng, sự chênh lệch trong việc tiếp cận các nguồn lực kinh tế và quyền năng xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu làm rõ năng lực chủ thể của phụ nữ vừa là một yêu cầu về lý luận, vừa mang tính cấp thiết về thực tiễn trong chiến lược phát triển xã hội bền vững nói chung và phát triển kinh tế nói riêng tại Việt Nam.

¹ TS., Trường Đại học Giao thông vận tải; Email: Trungthanh@utc.edu.vn

2. Nội dung

2.1. Khung lý thuyết về tự do, năng lực chủ thể của phụ nữ trong tư tưởng của Amartya Sen

Amartya Sen, nhà kinh tế học và triết học Ấn Độ, đã có nhiều đóng góp quan trọng cho khoa học xã hội đương đại thông qua việc hình thành cách tiếp cận năng lực. Cách tiếp cận này đã tạo ra sự thay đổi căn bản trong tư duy về phát triển, thay vì chỉ tập trung vào tăng trưởng kinh tế hay mức thu nhập, ông Sen cho rằng, thước đo đích thực của phát triển chính là sự mở rộng tự do thực chất của con người.

2.1.1. Tự do như nền tảng của phát triển

Trong tác phẩm *Development as Freedom* (1999), Amartya Sen nhấn mạnh: “Phát triển là quyền tự do”, làm nổi bật chiều cạnh con người, văn hoá và đạo đức của sự phát triển, đi xa và mở rộng hơn khái niệm “phát triển bền vững” (Sen, 2002, tr. 5). Ông Sen khẳng định phát triển không chỉ là mục tiêu kinh tế, mà phải được hiểu như “quá trình mở rộng các quyền tự do thực chất mà người dân được hưởng” (Sen, 2002, tr.13). Ông phân biệt giữa tự do hình thức và tự do thực chất: nếu một cá nhân chỉ có quyền trên lý thuyết nhưng thiếu điều kiện để thực thi, thì quyền đó trở nên vô nghĩa. Vì vậy, tự do trong tư tưởng của ông Sen bao hàm cả năng lực tiếp cận giáo dục, y tế, nguồn lực kinh tế, cũng như quyền tham gia vào đời sống chính trị – xã hội. Đối với phụ nữ, tự do thực chất có nghĩa là không chỉ có quyền bình đẳng trên giấy tờ, mà còn có điều kiện thực tế để học tập, lao động, lựa chọn nghề nghiệp và tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Tự do thực chất là khi phụ nữ trở thành người có năng lực chủ thể tích cực của sự thay đổi, là khi họ thúc đẩy sự chuyển biến xã hội. Có tự do thực chất là phụ nữ có quyền phát triển, để họ có được niềm hạnh phúc trong cuộc sống một cách chủ động thay vì là “đối tượng thụ động hưởng thụ sự giúp đỡ nhằm tăng cường niềm hạnh phúc” (Sen, 2002, tr.223).

2.1.2. Năng lực và chức năng

Trong phát triển con người, ông Amartya Sen khẳng định, cách tiếp cận đúng đắn nhất là “tạo dựng điều kiện để mọi người lựa chọn cái mà họ cho là có giá trị nhất đối với họ vào thời điểm lựa chọn” (Nguyễn Trung Thành, 2024). Trong khi trình bày cách tiếp cận năng lực của mình, ông Sen đã đưa ra hai khái niệm cốt lõi: chức năng và năng lực. Theo đó, chức năng là những gì một con người thực sự đạt được và thực hiện được trong đời sống, ví dụ như có dinh dưỡng đầy đủ, được đi học, có công việc, được tham gia vào các quyết định chính trị. Năng lực là tập hợp các cơ hội và lựa chọn thực sự mà cá nhân có để đạt được những chức năng đó.

Theo Amartya Sen, chức năng là những gì mà con người thực sự có thể tồn tại, năng lực là những khả năng mà con người có để đạt được những chức năng. Tự do thực chất là khi con người có năng lực để thực hiện các chức năng. Trong trường hợp phụ nữ Việt Nam, năng lực có thể được hiểu là khả năng tiếp cận giáo dục, cơ hội khởi nghiệp, tham gia vào thị trường lao động, hay tham gia lãnh đạo chính trị. Khi năng lực bị hạn chế bởi định kiến giới hay gánh nặng kép trong gia đình, thì phát triển kinh tế nói riêng, phát triển xã hội nói chung sẽ không thể đạt đến sự bền vững.

2.1.3. Năng lực chủ thể của phụ nữ

Một đóng góp quan trọng khác trong tư tưởng của Amartya Sen là năng lực chủ thể của phụ nữ trong mối tương quan với sự chuyển biến kinh tế - xã hội. Người có năng lực chủ thể là người có năng lực đưa ra lựa chọn, hành động vì mục tiêu của bản thân và có khả năng tác động đến thay đổi xã hội. Đối với phụ nữ, trở thành người có năng lực chủ thể không chỉ có nghĩa là tham gia vào đời sống kinh tế – xã hội, mà còn là được công nhận quyền tự quyết, có tiếng nói trong các vấn đề của gia đình, cộng đồng và quốc gia.

Ông Sen đã nhiều lần chỉ ra rằng, việc phụ nữ được trao năng lực chủ thể không chỉ mang lại lợi ích cho bản thân họ, mà còn có tác động lan tỏa đến cộng đồng: từ việc giảm tỷ lệ tử vong trẻ em, nâng cao dinh dưỡng gia đình, đến cải thiện chất lượng quản trị xã hội (Sen, 2002, tr. 238). Nói cách khác, phụ nữ với năng lực chủ thể chính là “người kiến tạo” phát triển bền vững, chứ không chỉ là “người thụ hưởng” kết quả phát triển.

2.2. Năng lực chủ thể của phụ nữ Việt Nam trong phát triển kinh tế

Dựa trên khung lý thuyết về tự do, năng lực chủ thể của phụ nữ trong tư tưởng của Amartya Sen, có thể thấy rõ, phụ nữ Việt Nam hiện nay không chỉ là đối tượng thụ hưởng thành quả phát triển mà còn là người có năng lực chủ thể để kiến tạo sự thay đổi kinh tế - xã hội. Sen chỉ rõ, năng lực chủ thể của phụ nữ vừa trực tiếp cải thiện cuộc sống của họ, vừa tạo ra những hiệu ứng lan tỏa làm thay đổi các chuẩn mực xã hội và mở rộng năng lực phát triển cho cả cộng đồng. Đối chiếu vào thực tiễn Việt Nam, có thể thấy phụ nữ đã và đang thể hiện năng lực chủ thể của mình trên nhiều lĩnh vực xã hội, trong đó nổi bật là lĩnh vực kinh tế.

Phụ nữ Việt Nam đóng góp tích cực vào lực lượng lao động, chiếm 46,63% tổng lực lượng lao động năm 2024 (Trang thông tin điện tử Cục Thống kê, 2025). Tuy nhiên, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 63,1%, trong khi nam giới đạt 75,2% cho thấy, phụ nữ vẫn đối diện với rào cản về khả năng tham gia kinh tế toàn diện (Bộ Kế hoạch và đầu tư, 2025).

Khoảng cách về thu nhập giữa nam và nữ vẫn còn đáng kể. Theo báo cáo đầu năm 2025 của Tổ chức Lao động Quốc tế, chênh lệch “gender pay gap” (Khoảng cách lương theo giới tính) tại Việt Nam là khoảng 13,8% (International Labour Organization, 2025), nghĩa là phụ nữ kiếm được ít hơn nam giới đối với công việc tương đương. Ngoài ra, dựa theo số liệu thống kê năm 2024 đã công bố của Tổng cục Thống kê, nam giới có thu nhập bình quân cao hơn phụ nữ tới 25,3%. Những dữ liệu này cho thấy, phụ nữ không chỉ thụ động về đối tượng lao động, mà còn chịu thiệt thòi rõ rệt về tiền công và thu nhập - hạn chế “tự do thực chất” trong cách tiếp cận của Sen đã nhấn mạnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những bất bình đẳng đó, phụ nữ Việt Nam thể hiện rõ năng lực chủ thể trong cải thiện thu nhập, nâng cao vị thế kinh tế và xoá đói giảm nghèo bền vững. Ở quy mô quốc gia, tín dụng chính sách là một đòn bẩy quan trọng: đến cuối năm 2024, Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP) có khoảng 6,8 triệu khách hàng đang vay vốn; riêng phụ nữ chiếm khoảng 68% tổng số khách hàng đang vay, tương đương 4,7 triệu người (UN Women, 2024, tr. 25). Số liệu này cho thấy, phụ nữ không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà thực sự là chủ thể tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính để đầu tư sinh kế, giáo dục và phúc lợi gia đình.

Trong khu vực tài chính vi mô, các mô hình do Hội Liên hiệp Phụ nữ bảo trợ như TYM (Tổ chức Tài chính vi mô Tình Thương) tập trung phục vụ nữ khách hàng (tỷ lệ 100% người vay là nữ), với 81% khách hàng lần đầu tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức - nhấn mạnh việc phụ nữ đã có năng lực và tự do thực chất để chủ động đầu tư, đa dạng hóa sinh kế và khởi sự kinh doanh nhỏ.

Ở cấp địa phương và nhóm yếu thế, các thí điểm tín dụng không tài sản bảo đảm cho phụ nữ dân tộc thiểu số (Dự án GREAT - giai đoạn 1: 2017-2022) đã giúp 193 phụ nữ vay lần đầu và đạt 100% tỷ lệ trả nợ đúng hạn (Aus4Equality, GREAT, 2024), điều này chứng minh tính bền vững và năng lực tự chủ tài chính của người vay là phụ nữ.

Song song, các tổ tiết kiệm tín dụng của Hội Liên hiệp Phụ nữ ở vùng dân tộc tiếp tục mở rộng. Theo báo cáo của dự án “Vươn tới thành công: Thúc đẩy hòa nhập tài chính cho phụ nữ dân tộc thiểu số”, “chỉ trong 6 tháng đầu 2022, đã hình thành 269 nhóm với 4.058 thành viên, huy động 5,62 tỷ đồng tiền gửi và 1.416 lượt vay cho sản xuất” (Vietnam News Agency, 2022). Qua đó khẳng định vai trò tổ chức và liên kết của phụ nữ trong kiến tạo vốn xã hội và nâng cao khả năng chống chịu của hộ gia đình nghèo.

Theo Tổng điều tra dân số năm 2019, di cư nội địa (chuyển hộ khẩu giữa các địa phương trong nước) thu hút đông đảo sự tham gia của nữ giới, với tỷ lệ 55,5% tổng số người di cư nội địa là phụ nữ (Bùi Thị Hồng, Lại Thị Thanh Bình, 2020). Số liệu cập nhật từ Hội thảo “Di cư và sức khỏe người di cư nội địa” do Cục Dân số tổ chức năm 2024 cho thấy xu hướng nữ hóa di cư vẫn tiếp diễn, dù có sự điều chỉnh nhẹ, năm 2022, nữ giới chiếm 53,2% tổng số người di cư nội địa (Minh Châu, 2024). So sánh hai thời điểm 2019 và 2022, mặc dù tỷ lệ có giảm nhẹ, phụ nữ vẫn duy trì vị thế đa số trong tổng thể dòng di cư. Trong thực tiễn, phụ nữ di cư nội địa thường xuyên chuyển một phần thu nhập về quê để hỗ trợ gia đình. Bên cạnh đó, ngày càng nhiều phụ nữ tận dụng di cư để khởi nghiệp nhỏ tại thành thị, từ mở hàng ăn, dịch vụ chăm sóc, đến tham gia thương mại điện tử, khẳng định rõ năng lực lựa chọn và hành động như những tác nhân kinh tế - xã hội.

Ở phạm vi quốc tế, số liệu năm 2024 cho thấy, phụ nữ chiếm hơn 33% số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng - đạt 52.898 người trong tổng số 158.588 lao động xuất khẩu (Ngân Anh, 2025). Điều này minh chứng rằng, phụ nữ không chỉ tham gia vào dòng di cư lao động quốc tế, mà còn đang thể hiện năng lực chủ thể trong các hoạt động kinh tế – xã hội, đóng góp trực tiếp vào nguồn thu nhập kiều hối và mang lại phúc lợi cho gia đình.

Nhìn từ khung lý thuyết của Amartya Sen, dù là di cư nội địa hay quốc tế, phụ nữ đều không chỉ là những người “ra đi vì hoàn cảnh”, mà thực sự đã sử dụng di cư như một chiến lược mở rộng năng lực và thực thi tự do thực chất. Họ trở thành những người biết lựa chọn, hoạch định và định hình cuộc sống của bản thân, đồng thời tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực tới gia đình và cộng đồng - một minh chứng điển hình cho năng lực chủ thể của phụ nữ trong phát triển xã hội bền vững.

Tóm lại, từ góc nhìn của Amartya Sen, khi phụ nữ được trao quyền và năng lực thực chất để cải thiện thu nhập, họ không chỉ thoát nghèo mà còn góp phần tạo nên sự thay đổi xã hội rộng lớn - đóng vai trò trung tâm trong tiến trình xây dựng công bằng và phát triển bền vững.

2.3. Hàm ý lý luận và chính sách

Từ khung tiếp cận năng lực của Amartya Sen và phân tích năng lực chủ thể của phụ nữ Việt Nam trong phát triển kinh tế, có thể rút ra một số hàm ý lý luận và chính sách như sau:

Về lý luận, từ cách tiếp cận năng lực của Amartya Sen, có thể khẳng định rằng, phát triển xã hội bền vững không chỉ là gia tăng thu nhập hay đảm bảo phúc lợi, mà trước hết phải mở rộng tự do thực chất cho con người. Với phụ nữ, điều này đồng nghĩa với việc họ cần được nhìn nhận không phải như nhóm yếu thế thụ hưởng, mà là người có năng lực lựa chọn, hành động và ảnh hưởng đến thay đổi. Đây chính là cơ sở lý luận để xây dựng các chiến lược phát triển lấy phụ nữ làm trung tâm của sự thay đổi, thay vì chỉ là đối tượng chính sách.

Về chính sách, để phụ nữ thực sự phát huy năng lực chủ thể trong phát triển kinh tế, cần chú trọng bốn khía cạnh sau:

Thứ nhất, thu hẹp khoảng cách tiền lương theo giới, bảo đảm quyền lợi lao động nữ (nhất là lao động di cư), mở rộng cơ hội tiếp cận tín dụng, khởi nghiệp và tham gia kinh tế số.

Thứ hai, tăng tỷ lệ nữ trong các vị trí lãnh đạo và nâng cao chất lượng tham gia chính trị; thiết kế cơ chế hỗ trợ để phụ nữ có tiếng nói thực chất trong hoạch định và thực thi chính sách.

Thứ ba, tiếp tục phổ cập giáo dục cho nữ giới, hỗ trợ phụ nữ vùng khó khăn, đồng thời khuyến khích phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động học tập, nghiên cứu để nâng cao năng lực tri thức và đổi mới sáng tạo.

Thứ tư, coi phụ nữ là trung tâm trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đặc biệt về sức khỏe sinh sản và tinh thần; đồng thời thúc đẩy thay đổi nhận thức xã hội về giá trị giới để bảo đảm cân bằng và chất lượng dân số.

3. Kết luận

Bài viết đã chỉ ra rằng, theo cách tiếp cận năng lực của Amartya Sen, phụ nữ Việt Nam không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà là người có năng lực lựa chọn và hành động. Thực tiễn cho thấy, phụ nữ đang giữ vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực xã hội: từ cải thiện thu nhập, tham gia tham chính, kiến tạo và lan tỏa tri thức, cho tới chăm sóc sức khỏe và định hình nhân khẩu học. Những đóng góp này khẳng định phụ nữ là lực lượng trung tâm trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát huy hơn nữa vai trò tác nhân của phụ nữ: bảo đảm bình đẳng cơ hội kinh tế, mở rộng sự hiện diện và tiếng nói trong lãnh đạo, đầu tư cho giáo dục và tri thức, và coi phụ nữ là trung tâm trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Khẳng định và nâng cao năng lực chủ thể của phụ nữ không chỉ là bước đi cần thiết để thực hiện bình đẳng giới, mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng một xã hội công bằng, bao trùm và bền vững cho Việt Nam trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Ngân Anh (2025). Năm 2024: Hơn 158 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài. Truy cập <https://nhandan.vn/nam-2024-hon-158-nghin-lao-dong-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-post857345.html>
2. Minh Châu (2024). *Hội thảo Di cư và Sức khỏe Người di cư nội địa*. Truy cập https://vnpa.moh.gov.vn/tin-hoat-dong/hoi-thao-di-cu-va-suc-khoe-nguoi-di-cu-noi-dia?utm_source=chatgpt.com
3. Cục Thống kê (2025). *Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và theo thành thị, nông thôn chia theo Cách tính*, Năm. Truy cập <https://www.nso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0235&theme=D%C3%A2n%20s%E1%BB%91%20v%C3%A0%20lao%20%C4%91%E1%BB%99ng>
4. Bùi Thị Hồng, Lại Thị Thanh Bình (2020). *Lao động nữ di cư ở Việt Nam những năm gần đây*. Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến. Truy cập <https://vjol.info.vn/index.php/ssir/article/download/60661/50899/>
5. Sen, A. K. (Lưu Đoàn Huynh, Diệu Bình dịch) (2002). *Phát triển là quyền tự do*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
6. Nguyễn Trung Thành (2024). *Vai trò chủ thể của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý khu vực công: Nhìn từ cách tiếp cận năng lực của Amartya Sen*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Lãnh đạo, quản lý khu vực công trong bối cảnh chuyển đổi số. Nxb. Lao động. Hà Nội.
7. Tổng Cục Thống kê (2025). *Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý IV và năm 2024*. Truy cập <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/01/Thong-cao-bao-chi-lao-dong-Q4-2024.pdf>
8. Nguyễn Thị Ngọc Tú (2025). *Một số phương hướng hoàn thiện pháp luật về phát triển bền vững tại Việt Nam hiện nay*. Truy cập <https://kinhtevadubao.vn/mot-so-phuong-huong-hoan-thien-phap-luat-ve-phat-trien-ben-vung-tai-viet-nam-hien-nay-31389.html>
9. Aus4Equality, GREAT. (2024). *Sector brief: Financial inclusion. Australian Aid*. https://equality.aus4vietnam.org/wp-content/uploads/2024/12/Sector-Brief_Financial-Inclusion_ENG.pdf
10. Centre for impact investing and practices, TYM (2024). *TYM: Specialised Financial and Non-Financial Services to Improve the Lives of Low-Income Women in Vietnam*. Accessed https://ciip.com.sg/docs/default-source/default-document-library/ciip_case-study_tym_v2.pdf?sfvrsn=b499ae53_1
11. International Labour Organization (2025). *Gender diagnostics in support of transforming employment frameworks in Viet Nam*. Accessed https://www.ilo.org/sites/default/files/2025-03/VN%20Gender%20Equality%202025%20En_v1.0.pdf?utm_source=chatgpt.com
12. UN Women (2024). *National review of the 30-year implementation of the Beijing declaration and platform for action in Viet Nam (2019 - 2023)*.
13. Vietnam News Agency (2022). *Project promotes financial inclusion for ethnic minority women*. Accessed https://vwu.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/project-promotes-financial-inclusion-for-ethnic-minority-women-51604-4802.html?utm_source=chatgpt.com